DỊCH THUẬT VÀ SỰ IM LẶNG GIỮA CÁC NGÔN NGỮ: VĂN HỌC VIỆT NAM TẠI CÁC QUỐC GIA NÓI TIẾNG ANH

PHẠM PHƯƠNG CHI*, TRẦN THU HÒA**

Tóm tắt: Bài viết khảo sát sự tiếp nhận văn học Việt Nam tại các quốc gia nói tiếng Anh từ góc nhìn của dịch thuật và khái niệm "sự im lặng giữa các ngôn ngữ". Dựa trên dữ liệu từ một số thư viện học thuật quốc tế và phân tích các trường hợp dịch cụ thể, bài viết cho thấy số lượng tác phẩm văn học Việt Nam được dịch sang tiếng Anh vẫn còn hạn chế. Đồng thời, dựa trên quan điểm của Alton L. Becker, bài viết lập luận rằng nhiều yếu tố văn hóa và kinh nghiệm sống trong văn bản gốc không có đối trọng hoàn toàn trong ngôn ngữ đích, tạo nên những "khoảng im lặng" trong bản dịch và ảnh hưởng đến quá trình tiếp nhận văn học.

Từ khóa: dịch thuật văn học, sự im lặng giữa các ngôn ngữ, tiếp nhận văn học Việt Nam, văn học thế giới, lưu thông văn học.

TRANSLATION AND THE SILENCES BETWEEN LANGUAGES: VIETNAMESE LITERATURE IN ENGLISH-SPEAKING COUNTRIES

Abstract: This article examines the reception of Vietnamese literature in English-speaking countries through the lens of translation and the concept of "silence between languages." Drawing on data from several international academic libraries and analyses of selected translations, the study shows that Vietnamese literary works translated into English remain relatively limited. Building on Alton L. Becker's notion of "silence between languages," the article argues that many cultural references and experiential meanings embedded in the source texts lack fully corresponding expressions in English. As a result, certain layers of meaning remain silent in translation, shaping the ways Vietnamese literature is received in the global literary system.

Keywords: literary translation, silence between languages, reception of Vietnamese literature, world literature, literary circulation.

Ngày nhận bài: 31.3.2026; ngày gửi phản biện: 01.4.2026;
ngày nhận bài sửa: 03.5.2026; ngày duyệt đăng: 25.8.2026

1. Văn học Việt Nam và những khoảng im lặng trong lưu thông toàn cầu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa văn hóa, dịch thuật thường được xem là phương thức quan trọng để các nền văn học vượt qua ranh giới ngôn ngữ và tham gia vào không gian lưu thông của văn học thế giới. Đối với những nền văn học nằm ở vị trí ngoại vi trong hệ thống văn học toàn cầu, dịch thuật càng đóng vai trò then chốt trong việc mở rộng khả năng tiếp cận độc giả quốc tế. Văn học Việt Nam trong nhiều thập niên qua cũng được đặt trong kì vọng tương tự:

* PGS.TS. - Viện Văn học. Email: chiphamvvh@gmail.com
** Cử nhân Đông Nam Á học, ĐHKHXHNV – ĐHQGHN. Email: thuhoatr@gmail.com

thông qua dịch thuật, các tác phẩm có thể vượt ra khỏi giới hạn của ngôn ngữ bản địa để tham gia vào những cuộc đối thoại rộng lớn hơn của văn học thế giới.

Tuy nhiên, khi khảo sát thực tiễn tiếp nhận văn học Việt Nam tại các quốc gia nói tiếng Anh, có thể nhận thấy rằng quá trình dịch thuật không chỉ tạo ra sự lưu thông của văn bản mà đồng thời cũng sản sinh ra những "khoảng im lặng" (silences). Những khoảng im lặng này biểu hiện ở nhiều cấp độ khác nhau: sự thiếu vắng các bản dịch, sự bất đối xứng quyền lực trong hệ thống xuất bản quốc tế, cũng như những giới hạn nội tại của quá trình chuyển dịch giữa các ngôn ngữ và nền văn hóa. Nói cách khác, dịch thuật vừa là phương tiện đưa văn học Việt Nam ra thế giới, vừa là nơi bộc lộ những giới hạn khiến một phần ý nghĩa của văn bản không thể được chuyển tải trọn vẹn.

Trong bối cảnh đó, các chính sách văn hóa gần đây của Việt Nam có thể được xem là những nỗ lực nhằm giảm thiểu khoảng cách này. Nghị quyết số 80-NQ/TW (Nghị quyết 80) về phát triển văn hóa Việt Nam đã nhấn mạnh nhiệm vụ hỗ trợ dịch thuật và quảng bá các tác phẩm văn học Việt Nam ra nước ngoài: "hỗ trợ/tài trợ công tác dịch thuật và xuất bản sách văn học, văn hóa nghệ thuật Việt Nam ra nước ngoài bằng nhiều ngôn ngữ và tạo điều kiện thuận lợi để giới thiệu các xuất bản phẩm tiếng nước ngoài tại Việt Nam"[1]. Trước đó, Nghị định số 350/2025/NĐ-CP (Nghị định 350) của Chính phủ Quy định về khuyến khích phát triển văn học đã đưa ra kiến nghị chi tiết cho công tác dịch và giới thiệu, quảng bá tác phẩm văn học ra nước ngoài[2]. Cụ thể hơn, *Đề án dịch văn học phục vụ nhiệm vụ đối ngoại của Nhà nước* do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phụ trách, phối hợp với Bộ Ngoại giao và các cơ quan chính quyền cùng các hiệp hội về văn học đã thúc đẩy sự tiếp nhận văn học Việt Nam tại nước ngoài. Những định hướng chính sách này cho thấy dịch thuật đang ngày càng được nhìn nhận như là chiến lược xây dựng quyền lực mềm của văn hóa quốc gia. Tuy vậy, để những chính sách này phát huy hiệu quả, cần nhận diện rõ những hình thức "im lặng" đang tồn tại trong quá trình lưu thông của văn học Việt Nam.

Một trong những biểu hiện dễ nhận thấy nhất của sự im lặng trong dịch thuật là sự thiếu vắng các bản dịch trong hệ thống xuất bản và lưu trữ tri thức quốc tế. Khảo sát tại một số thư viện lớn ở các quốc gia nói tiếng Anh cho thấy số lượng tác phẩm văn học Việt Nam được dịch và lưu trữ còn khá khiêm tốn so với nhiều nền văn học khác.

Cụ thể, trên trang web của Thư viện Anh Quốc (British Library), khi tìm kiếm từ khóa "Vietnamese literature" (văn học Việt Nam) chỉ trả về 5.569 kết quả, trong khi "Indonesian literature" (văn học Indonesia) có tới 18.977 kết quả, lại càng khiêm tốn so với con số 130.974 của "Indian literature" (văn học Ấn Độ)[3]. Cần lưu ý rằng, hầu hết văn học Việt Nam trên hệ

[1] Ban Chấp hành Trung ương. *Nghị quyết số 80-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam*. Ban hành ngày 07 tháng 01 năm 2026.

[2] Văn phòng Chính phủ. *Nghị định số 350/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định về khuyến khích phát triển văn học*. Ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2025.

[3] British Library tại https://www.bl.uk/. Xem catalogue "Vietnamese literature" tại https://catalogue.bl.uk/nde/search?query=vietnamese%20literature&tab=Everything&search_scope=MyInst_and_CI&vid=44BL_MAIN:BLL01_NDE&lang=en, catalogue "Indian literature" tại https://catalogue.bl.uk/nde/search?query=indian%20literature&tab=Everything&search_scope=MyInst_and_CI&vid=44BL_MAIN:BLL01_NDE&lang=en, catalogue "Indonesian literature" tại https://catalogue.bl.uk/nde/search?query=%20indonesian%20literature&tab=Everything&search_scope=MyInst_and_CI&vid=44BL_MAIN:BLL01_NDE&lang=en, truy cập và ghi nhận kết quả tìm kiếm tại thời điểm 14:00 ngày 23.04.2026.

thống thư viện nước ngoài là văn bản gốc bằng tiếng Việt, gần như chỉ dành cho độc giả là nhà nghiên cứu hoặc đã có thể đọc hiểu tiếng Việt. Nói cách khác, khả năng tiếp nhận văn học Việt Nam của độc giả phổ thông tại các nước nói trên có lẽ là bất khả thi. Khảo sát trên Thư viện Harvard - thư viện học thuật lớn nhất thế giới, chúng tôi nhận thấy chỉ có 57 tác phẩm bao gồm cả tiếng Anh và tiếng Việt trong danh mục "Vietnam - Social life and customs - Fiction" (Việt Nam - Đời sống xã hội và tập quán - Truyện hư cấu", khi thực hiện lọc theo chủ đề "Short stories, Vietnamese - Translations into English" (Truyện ngắn, tiếng Việt - Dịch sang tiếng Anh" và "Vietnamese fiction - Translations into English" (Truyện hư cấu Việt Nam - Dịch sang tiếng Anh" lần lượt đưa ra 30 và 7 kết quả[1]. Tương tự như vậy, mục "Short stories, Vietnamese - Translations into English" của Thư viện Quốc gia Australia (National Library of Australia) bao gồm 14 tác phẩm, trong khi Thư viện Nghiên cứu Đông Nam Á ISEAS - Yusof Ishak (Singapore) có 15 tựa sách[2]. Tại Cornell, một trong những trung tâm nghiên cứu Đông Nam Á trọng điểm trên thế giới, hiện nay đang lưu giữ 2921 tập truyện ngắn Việt Nam,trong đó có 50 đầu sách bằng tiếng Anh mà phần đa là sách đã được xuất bản từ trước năm 2000[3].

Những dữ liệu này cho thấy sự hiện diện của văn học Việt Nam trong hệ thống tri thức toàn cầu vẫn còn khá mờ nhạt. Tình trạng này không chỉ phản ánh hạn chế về số lượng bản dịch mà còn gợi mở một vấn đề rộng hơn liên quan đến cấu trúc của hệ thống văn học thế giới và sự bất đối xứng trong lưu thông văn học giữa các ngôn ngữ. Từ góc nhìn của nghiên cứu văn học thế giới, sự thiếu vắng này có thể được hiểu trong mối liên hệ với những bất đối xứng quyền lực của hệ thống xuất bản và lưu thông văn học toàn cầu. Khi bàn tới khái niệm văn học thế giới (*Weltliteratur*), Goethe từng dự đoán về sự suy giảm vai trò của văn học quốc gia và sự hình thành của một không gian văn học vượt qua biên giới quốc gia, nơi các tác phẩm từ những truyền thống văn hóa khác nhau có thể được đọc và so sánh trong cùng một hệ quy chiếu[4]. Tuy nhiên, ngay từ trong chính cách hình dung ban đầu đó, văn học thế giới vẫn mang dấu ấn của một trật tự văn học đặt châu Âu làm trung tâm. Điều này khiến cho nhiều nền văn học ngoài phương Tây - đặc biệt là các nền văn học thuộc khu vực Nam bán cầu - thường được tiếp cận như những ngoại vi trong quá trình hình thành điển phạm văn học toàn cầu, như Giáo sư David

[1] Harvard Library tại https://library.harvard.edu/. Xem "Vietnam – Social life and customs – Fiction" tại https://hollis.harvard.edu/discovery/search?query=any,contains,vietnamese%20literature&tab=Everything&search_scope=MyInst_and_CI&vid=01HVD_INST:HVD2&facet=lds45,include,Vietnam%20--%20Social%20life%20and%20customs&lang=en&offset=0, catalogue "Short stories, Vietnamese – Translations into English" tại https://hollis.harvard.edu/discovery/search?query=sub,exact,Short%20Stories,%20Vietnamese%20Translations%20into%20English,AND&tab=Everything&search_scope=MyInst_and_CI&vid=01HVD_INST:HVD2&lang=en&mode=advanced&offset=0, catalogue "Vietnamese fiction – Translations into English" tại https://hollis.harvard.edu/discovery/search?query=sub,exact,Vietnamese%20fiction%20Translations%20into%20English,AND&tab=Everything&search_scope=MyInst_and_CI&vid=01HVD_INST:HVD2&lang=en&mode=advanced&offset=0, truy cập và ghi nhận kết quả tìm kiếm tại thời điểm 14:04 ngày 23.04.2026.

[2] National Library of Australia tại https://catalogue.nla.gov.au/catalog?q=%22Short+stories%2C+Vietnamese+--+Translations+into+English%22&search_field=subject và ISEAS-Yusof Ishak Library tại https://sealion.iseas.edu.sg/client/en_SG/default/search/results?qu=Short+stories%2C+Vietnamese+-+Translations+into+English&rw=12&isd=true, truy cập và ghi nhận kết quả tìm kiếm tại thời điểm 00:15 ngày 05.03.2026.

[3] Xem catalogue "Short stories, Vietnamese" của Cornell University Library https://catalog.library.cornell.edu/?click_to_search=true&commit=search&q=%22Short+stories%2C+Vietnamese%22&search_field=subject_cts, truy cập và ghi nhận kết quả tìm kiếm tại thời điểm 00:17 ngày 05.03.2026.

[4] Johann Peter Eckermann, *Conversations with Goethe*, trans. John Oxenford (George Bell & Sons, 1883), 212-214.

Damrosch cho rằng văn học thế giới không đơn thuần là tổng hợp tất cả các nền văn học mà là những tác phẩm có khả năng lưu thông và được đọc trong những bối cảnh văn hóa khác nhau[1]. Trong tiến trình này, dịch thuật đóng vai trò như một cơ chế trung gian quyết định việc tác phẩm nào có thể vượt qua biên giới ngôn ngữ và tham gia vào không gian văn học toàn cầu.

Tuy nhiên, như nhiều học giả đã chỉ ra, thị trường xuất bản quốc tế - đặc biệt là thị trường tiếng Anh - vẫn chịu sự chi phối mạnh mẽ của các trung tâm xuất bản phương Tây. Shameem Black nhận xét rằng mặc dù độc giả ngày nay có khả năng tiếp cận văn học thế giới dễ dàng hơn bao giờ hết, nhiều tác giả từ các khu vực ngoài phương Tây vẫn gặp khó khăn khi đưa tác phẩm của mình vào dòng lưu thông toàn cầu. Cụ thể, bà cho rằng các quốc gia giành được độc lập sau thời kì thuộc địa, điển hình như Ấn Độ, chứng kiến sự phát triển của nhà xuất bản như là chủ thể chính để quảng bá văn học bản địa. Ở đây, một mô thức bất đối xứng quyền lực đang diễn ra khi phương Tây vẫn nắm trong tay sự chi phối đối với thị trường văn học dịch sang tiếng Anh. Trường hợp của Ấn Độ tương đối thú vị do văn học viết bằng tiếng bản địa và văn học viết bằng tiếng Anh phát triển gần như song song với nhau, bởi bản chất nền văn học Ấn Độ mang tính vô biên giới so với phần còn lại của thế giới thứ ba.

Không chỉ ở Ấn Độ, thế hệ các nhà văn trẻ ở Nam bán cầu (Global South) đang chật vật điều chỉnh sáng tác của mình theo định hướng thị trường (market-driven), trong đó việc được dịch sang tiếng Anh dần trở thành một tiêu chí quan trọng của thành công và góp phần hình thành một hệ thống văn học mang tính "xuất khẩu" (export-oriented) hướng tới phương Tây[2]. Tuy nhiên, thực tiễn lưu thông văn học cho thấy sự đầu tư này không diễn ra trong một hệ thống cân xứng: thị trường xuất bản quốc tế - đặc biệt là thị trường tiếng Anh - vẫn mang tính trung tâm, dẫn tới tình trạng văn học tiếng Anh được dịch rộng rãi sang nhiều ngôn ngữ khác, trong khi các nền văn học ngoài Anh ngữ lại khó thâm nhập vào không gian này với tốc độ tương đương[3].

Bên cạnh cấu trúc quyền lực của thị trường xuất bản, quá trình hình thành điển phạm văn học toàn cầu còn chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của các cơ chế lựa chọn mang tính biểu tượng như các giải thưởng văn học quốc tế, các bảng xếp hạng và hệ thống phê bình. Ở cấp độ tiếp nhận, việc lựa chọn đọc một tác phẩm văn học không chỉ đơn thuần là nhu cầu thưởng thức thẩm mĩ mà còn gắn với những động lực xã hội và văn hóa. Người đọc thường bị chi phối bởi danh tiếng của tác giả, các giải thưởng văn học hoặc sự chú ý của truyền thông đối với một tác phẩm nhất định. Trong bối cảnh đó, những giải thưởng văn học lớn như Nobel Văn học hay Booker Quốc tế có khả năng định hướng mạnh mẽ quá trình điển phạm hóa văn học ở quy mô toàn cầu. Trường hợp của văn học Hàn Quốc trong những năm gần đây là một ví dụ đáng chú ý. Theo số liệu từ Viện Dịch thuật Văn học Hàn Quốc, doanh số các bản dịch văn học Hàn tăng tới 130% trong năm 2024, một phần nhờ hiệu ứng từ việc nhà văn Han Kang nhận giải Nobel Văn học[4]. Sau sự kiện

[1] David Damrosch, *What Is World Literature?* (Princeton University Press, 2003), 4.

[2] Shameem Black, "Is There a Global Literature?" *Yale Insights*, April 28, 2009, https://insights.som.yale.edu/insights/is-there-global-literature

[3] Katherine Shields, "Challenges and Possibilities for World Literature, Global Literature, and Translation," *CLCWeb: Comparative Literature and Culture* 15, no. 7 (2013): 5.

[4] Jihae Lee, "Int'l Sales of Korean Novels in 2024 Surge 130% to 1.2M Copies," *Korea.net*, August 07, 2025, http://www.korea.net/NewsFocus/Culture/view?articleId=276668, truy cập ngày 10.02.2026.

này, không chỉ các tác phẩm của Han Kang mà nhiều nhà văn Hàn Quốc khác như Cho Nam-joo, Chung Bora hay Park Sang-young cũng được giới xuất bản phương Tây chú ý nhiều hơn. Điều này cho thấy quá trình lưu thông của văn học quốc gia trong không gian toàn cầu thường gắn liền với các cơ chế điển phạm hóa và những động lực của thị trường xuất bản.

Trong bối cảnh đó, sự "im lặng" của văn học Việt Nam trong hệ thống văn học thế giới không chỉ đơn thuần là vấn đề ngôn ngữ hay nguồn lực dịch thuật. Nó còn phản ánh một cấu trúc rộng hơn của hệ thống văn học toàn cầu, nơi các nền văn học ngoại vi phải đối mặt với những tiêu chí lựa chọn khắt khe của thị trường xuất bản quốc tế. Như Snyder nhận xét, sự lưu thông của văn học qua dịch thuật luôn chịu tác động đồng thời của các cân nhắc thẩm mĩ và kinh tế, bởi chính những yếu tố này quyết định "cái gì sẽ được dịch, dịch như thế nào và được quảng bá ra sao trong một bối cảnh văn chương khác"[1].

Từ góc nhìn này, sự im lặng trong dịch thuật không chỉ là vấn đề giữa các ngôn ngữ mà còn phản ánh cấu trúc quyền lực trong hệ thống văn học thế giới. Những nền văn học ngoại vi thường phải đối mặt với quy luật của thị trường xuất bản quốc tế, nơi các yếu tố kinh tế, thị hiếu độc giả và chiến lược văn hóa của các nhà xuất bản đóng vai trò quan trọng trong việc quyết định tác phẩm nào sẽ được dịch[2].

2. Những sự "im lặng" trong chuyển dịch ngôn ngữ và văn hóa

Sự im lặng cũng xuất hiện ngay trong quá trình chuyển dịch giữa các ngôn ngữ. Trong các suy tư của mình về bản chất của ngôn ngữ và dịch thuật, Alton L. Becker cho rằng những nghịch lí vốn có của hành động nói - vừa thiếu hụt so với điều người nói muốn biểu đạt, vừa thừa thãi so với điều người nói chủ ý truyền đạt - không phải là những hạn chế có thể vượt qua, mà là đặc điểm cấu thành của mọi ngôn ngữ đang vận hành trong đời sống con người[3]. Khi đặt các ngôn ngữ vào những bối cảnh văn hóa khác nhau, ông nhận thấy sự hiểu lầm và lệch pha trong giao tiếp là điều gần như không thể tránh khỏi. Trong trải nghiệm của Becker tại Myanmar, những khác biệt về cách diễn đạt và cách hiểu thường xuyên đòi hỏi người nói phải điều chỉnh thái độ, lựa chọn tu từ và bổ sung giải thích để thích nghi với bối cảnh giao tiếp. Theo ông, chính trong những tình huống như vậy, người ta có thể nhận ra rằng giữa các ngôn ngữ luôn tồn tại những khoảng "im lặng" - những phần ý nghĩa không được nói ra hoặc không thể được nói ra theo cùng một cách trong các hệ thống ngôn ngữ khác nhau. Becker gợi lại nhận xét của nhà triết học José Ortega y Gasset rằng mọi hành động nói đều bao hàm một dạng im lặng. Mỗi ngôn ngữ thiết lập một sự cân bằng riêng giữa cái được phát biểu và cái được giữ lại trong im lặng; con người buộc phải bỏ qua một số điều để có thể nói ra những điều khác. Chính vì vậy, dịch thuật luôn đối mặt với một nghịch lí căn bản: nó phải tìm cách diễn đạt trong một ngôn ngữ những điều mà chính ngôn ngữ ấy có xu hướng không biểu đạt. Từ góc nhìn này, những khác biệt về ngữ pháp và cấu trúc giữa các ngôn ngữ chỉ là những biểu hiện dễ thấy của một vấn đề sâu hơn. Chẳng hạn, tiếng Anh phân biệt rõ ràng giữa số ít

[1] Stephen Snyder, "Insistence and Resistance: Murakami and Mizumura in Translation," *New England Review* 37, no. 4 (2016): 133, https://www.jstor.org/stable/44841503.

[2] Snyder, "Insistence and Resistance," 133-134.

[3] Alton L. Becker, "Introduction," in *Beyond Translation: Essays toward a Modern Philology* (University of Michigan Press, 1995), 4.

và số nhiều hoặc giữa các dạng giới tính trong đại từ và danh từ, trong khi nhiều ngôn ngữ Đông Nam Á - như tiếng Myanmar, Bali hay Mã Lai - lại không sử dụng những sự phân biệt này. Điều đó không có nghĩa rằng các ngôn ngữ kia "thiếu" ngữ pháp, mà chỉ cho thấy mỗi hệ thống ngôn ngữ lựa chọn những cách khác nhau để tổ chức thế giới kinh nghiệm.

Từ đây, Becker đi đến một nhận định quan trọng: sự im lặng giữa các ngôn ngữ chỉ thực sự hiện ra khi chúng ta đặt nhiều hơn một ngôn ngữ vào cùng một trường so sánh[1]. Khi đối chiếu tiếng Anh với tiếng Myanmar, ông nhận thấy có vô số yếu tố trong ngôn ngữ này không tìm được đối trọng trực tiếp trong ngôn ngữ kia. Theo cách nói của ông, nếu so sánh một câu tiếng Myanmar với bản dịch tiếng Anh của nó, rất có thể một phần đáng kể những gì xuất hiện trong bản dịch không có trong văn bản gốc, và ngược lại, nhiều yếu tố của văn bản gốc cũng không được chuyển tải trong bản dịch. Ngay cả những biểu đạt tưởng như đơn giản - chẳng hạn câu "I am" trong tiếng Anh - cũng khó có thể chuyển sang những ngôn ngữ không có hệ thống đại từ, thì hoặc liên từ tương đương. Vì vậy, dịch thuật chỉ có thể vận hành bằng cách bỏ qua phần lớn những "khoảng im lặng" giữa các ngôn ngữ, trong khi người đọc thường có xu hướng vô thức lấp đầy những khoảng trống ấy bằng kinh nghiệm ngôn ngữ của chính mình. Chính điều này khiến Becker đặt lại cách hiểu quen thuộc về ngôn ngữ như một công cụ mã hóa tư duy. Theo ông, nếu coi ngôn ngữ chỉ là phương tiện biểu đạt ý nghĩ, người ta sẽ dễ dàng bỏ qua những yếu tố ngữ cảnh, kí ức và kinh nghiệm sống đã định hình cách con người sử dụng ngôn ngữ. Trong thực tế, cái mà chúng ta thường gọi là "ngôn ngữ" chỉ là một dạng giản lược của một thực hành rộng lớn hơn - điều mà Becker gọi là *languaging (ngôn ngữ đang là)*. Nếu "language" là hệ thống quy tắc và từ vựng có thể được mô tả trong ngữ pháp và từ điển, thì *languaging* là quá trình con người sử dụng ngôn ngữ trong những ngữ cảnh cụ thể của đời sống, nơi các kí ức văn hóa, kinh nghiệm cá nhân và hoàn cảnh giao tiếp cùng tham gia vào việc tạo nghĩa. Chính trong quá trình đó, những khoảng im lặng giữa các ngôn ngữ không phải là ngoại lệ, mà là một phần tất yếu của cách các hệ thống ngôn ngữ khác nhau tổ chức và biểu đạt thế giới[2].

Trường hợp bản dịch truyện ngắn "Cẩm cù" của Y Ban sang tiếng Anh với nhan đề "Hoya" cho thấy khá rõ những dạng "im lặng" như Becker mô tả[3]. Ngay từ đoạn mở đầu của văn bản gốc, người kể chuyện giới thiệu tuổi thơ của mình trong bối cảnh chiến tranh và đời sống tập thể: "Khởi đầu cha mẹ tôi sống trong một căn hộ tập thể… Tôi lớn lên bình an trong ngôi nhà của mình đến khi 5 tuổi thì chiến tranh nổ ra"[4]. Khái niệm "căn hộ tập thể" trong tiếng Việt gợi lên một bối cảnh lịch sử - xã hội đặc thù của Việt Nam thời kì bao cấp, nơi nhiều gia đình cùng sinh sống trong một không gian chật hẹp và chia sẻ các tiện nghi chung. Christina Schwenkel cho rằng các khu nhà tập thể này phản ánh một mô hình đô thị xã hội chủ nghĩa, trong đó ranh giới giữa không gian riêng và không gian chung thường xuyên được thương lượng trong đời

[1] Becker, "Introduction," 7.
[2] Becker, "Introduction," 8-9.
[3] Chi P. Pham, Chitra Sankaran, "Hoya", in *Revenge of Gaia: Contemporary Vietnamese Ecofiction* (Penguin Random House SEA, 2021), 93-112.
[4] Toàn văn tác phẩm "Cẩm cù" do nhà nghiên cứu, nhà văn Hoàng Tố Mai cung cấp qua email ngày 20 tháng 3 năm 2018.

sống thường nhật của cư dân[1]. Tương tự, Annette M. Kim nhận xét rằng việc chia sẻ cơ sở hạ tầng và sự thiếu hụt không gian riêng đã góp phần hình thành những mạng lưới quan hệ xã hội đặc thù trong đời sống đô thị Việt Nam thời kì bao cấp[2]. Vì vậy, "căn hộ tập thể" không chỉ là một loại hình nhà ở mà còn là dấu vết của một giai đoạn lịch sử đô thị được định hình bởi cơ chế bao cấp và đời sống cộng đồng mang tính chia sẻ trong hình ảnh có thể nói là kí ức cộng đồng của Việt Nam[3]. Khi được chuyển sang tiếng Anh, khái niệm này thường được dịch thành những cách diễn đạt trung tính như *apartment block* hoặc *shared housing*: "Before we began living in our own apartment in a collective shared building, we resided in quite a few others temporarily./After he left, my family was moved into a collective apartment …"[4]. Về mặt ngữ nghĩa trực tiếp, cụm *collective apartment* có thể được xem là bản dịch khá sát với cấu trúc của cụm từ "căn hộ tập thể". Tuy nhiên, nếu xét theo quan điểm của Becker về "silence between languages", bản dịch này vẫn để lại một khoảng im lặng văn hóa đáng kể. Trong tiếng Anh, cụm *collective apartment* không phải là một khái niệm quen thuộc trong hệ thống từ vựng đời sống thường nhật. Độc giả tiếng Anh có thể hiểu đây đơn giản là một căn hộ chung hoặc một dạng nhà ở tập thể, nhưng phần lớn những liên tưởng lịch sử và kinh nghiệm xã hội gắn với mô hình "khu tập thể" của Việt Nam gần như không được truyền tải. Chính khoảng cách giữa hai hệ thống kinh nghiệm văn hóa này tạo ra một dạng "im lặng" trong bản dịch: một phần ý nghĩa mà văn bản gốc gợi lên đối với người đọc bản địa không có đối trọng tương ứng trong ngôn ngữ đích. Theo Becker, những khoảng im lặng như vậy là điều không thể tránh khỏi trong dịch thuật, bởi mỗi ngôn ngữ không chỉ là một hệ thống từ vựng mà còn là một cách tổ chức kinh nghiệm sống của cộng đồng sử dụng nó[5].

Một ví dụ khác có thể thấy trong những chi tiết miêu tả không gian sinh hoạt của gia đình nhân vật: "Gia đình tôi được phân một căn hộ tập thể, một gian rưỡi và bể nước và bếp"[6]. Đó không chỉ là sự hình dung về mặt vật chất mà còn gợi lên kí ức của một thời kì lịch sử đô thị khi miền Bắc đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong bản dịch "Hoya", câu này được chuyển thành "my family was moved into a collective apartment, which consisted of a room and a half, a water tank, and a kitchen"[7]. Xem xét cụm từ "bể nước" được chuyển ngữ thành "water tank", mức độ dịch thuật từ vựng đã khá chính xác, nhưng nếu đặt hai văn bản của hai ngôn ngữ cạnh nhau, sự khác biệt về bối cảnh tiếp nhận văn hóa trở nên rõ rệt. Trong tiếng Anh, "water tank" mang nghĩa đơn thuần là vật chứa dùng để trữ nước cho tưới tiêu và sinh hoạt. Đối với nhiều thế hệ cư dân nhà tập thể, bể nước gắn liền với không gian xã hội, nơi mà các hộ gia đình hàng ngày tụ họp quanh bể nước tập thể để xách nước mang về trữ và dùng dần trong bể nước của từng nhà. Bể nước của các khu nhà tập thể là một không gian sinh hoạt cộng đồng, nơi mọi người cùng tắm

[1] Christina Schwenkel, *Building Socialism: The Afterlife of East German Architecture in Urban Vietnam* (Duke University Press, 2020), 161-210.

[2] Annette M. Kim, *Learning to Be Capitalists: Entrepreneurs in Vietnam's Transition Economy* (Oxford University Press, 2008), 55-77.

[3] Vũ Hoài Đức, "Khu tập thể cũ – di sản của kí ức," *Nhịp sống Hà Nội*, Báo *Hà Nội Mới*, ngày 19.09.2024, https://nhipsonghanoi.hanoimoi.vn/khu-tap-the-cu-di-san-cua-ky-uc-678632.html, truy cập 10.03.2026.

[4] Pham, Sankaran, "Hoya," 93, 95.

[5] Becker, "Introduction," 14-15.

[6] Y Ban, "Cầm cù".

[7] Pham, Sankaran, "Hoya," 95.

rửa, giặt giũ, giao tiếp với nhau thông qua những câu chuyện tầm phào sau giờ làm việc. Chi tiết "bể nước" nhiều lần xuất hiện trong văn bản, qua các câu văn "A large tank… for use by more than hundred residents… They would try to fill their tanks…" (Một cái bể to…cho khu tập thể cả trăm người sinh hoạt… Nhà nào nhà ấy ra sức tích trữ nước, đầy bể…)[1]. Khái niệm "water tank" dường như không thể khơi dậy một hệ thống sinh hoạt tập thể trong giai đoạn bao cấp khó khăn của Việt Nam: không gian chung của chủ nghĩa tập thể thống trị và việc hàng ngày phải chia sẻ nguồn nước hiếm hoi là thực tiễn của đời sống nên việc có một bể nước riêng trong nhà là vô cùng quý giá. Như Becker nhận xét, những trường hợp như vậy cho thấy dịch thuật luôn để lại những "khoảng im lặng", bởi ngôn ngữ đích không thể tái tạo toàn bộ mạng lưới kinh nghiệm mà từ ngữ trong ngôn ngữ gốc gợi ra.

Một ví dụ khác, khi đọc bản dịch tiếng Anh "Market Day in Giát District" của truyện ngắn "Phiên chợ Giát"[2], có thể nhận thấy rằng quá trình chuyển dịch không chỉ đơn thuần là việc chuyển tải nội dung từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác mà còn là sự tái cấu trúc văn bản trong một hệ thống cảm nhận và biểu đạt khác. Cách tiếp cận của Alton L. Becker về "sự im lặng giữa các ngôn ngữ" giúp gợi mở một cách nhìn phù hợp cho hiện tượng này. Theo Becker, dịch thuật luôn diễn ra trong bối cảnh hai hệ thống ngôn ngữ và văn hóa tổ chức kinh nghiệm thế giới theo những cách khác nhau; vì vậy, giữa các ngôn ngữ luôn tồn tại những "khoảng im lặng", tức là những yếu tố cảm giác, kí ức văn hóa hoặc cấu trúc biểu đạt không hoàn toàn tương thích[3]. Trong quá trình dịch, văn bản được tái hiện trong ngôn ngữ đích thông qua những lựa chọn diễn đạt khác, đồng thời một số lớp nghĩa của văn bản gốc có thể chuyển hóa thành những dạng biểu đạt mới. Trong trường hợp "Phiên chợ Giát", sự khác biệt này đặc biệt dễ nhận thấy ở cách văn bản xây dựng không gian đêm và trạng thái tâm lí nửa tỉnh nửa mê của nhân vật[4]. Ngay ở phần mở đầu của bản dịch, câu "The old man, Khúng, woke up with a start for he had had a nightmare" xác lập rõ sự kiện nhân vật tỉnh dậy sau cơn ác mộng[5]. Trong tiếng Anh, cấu trúc diễn đạt trực tiếp như vậy giúp người đọc nhanh chóng nắm bắt hành động của nhân vật. Tuy nhiên, khi đặt trong bối cảnh văn học Việt Nam, khoảnh khắc tỉnh giấc thường được xây dựng như một khoảng chuyển tiếp giữa hai trạng thái - giấc mơ và hiện thực - nơi ý thức của nhân vật vẫn còn vương lại trong không gian mơ hồ của giấc ngủ. Theo cách lí giải của Becker, sự khác biệt này phản ánh sự khác nhau trong cách hai ngôn ngữ tổ chức kinh nghiệm: trong khi một ngôn ngữ có xu hướng gợi ra trạng thái tâm lí thông qua nhịp điệu và sự mơ hồ của câu văn, ngôn ngữ khác lại thiên về việc xác định rõ hành động và trạng thái của nhân vật.

Không gian đêm trong truyện cũng cho thấy một sự chuyển dịch thú vị giữa hai hệ thống cảm nhận. Bản dịch có những câu như "The night was dark and silent", một cách diễn đạt trực tiếp và khái quát để xác lập bối cảnh của cảnh truyện[6]. Đồng thời, bản dịch vẫn giữ lại một số chi tiết

---

[1] Pham, Sankaran, "Hoya," 104.

[2] Chi P. Pham, Chitra Sankaran, "Market Day in Giát District," *in Humans And Other Animals: Animal Fiction From Vietnam* (Penguin Random House SEA, 2024), 105-161.

[3] Becker, "Introduction," 13, 15.

[4] Nguyễn Minh Châu. "Phiên chợ Giát," *Việt Nam Thư Quán*, ngày 27.12.2003. http://vietnamthuquan.eu/truyen/truyen.aspx?tid=2qtqv3m3237n4n3nvn31n343tq83a3q3m3237nvn#phandau

[5] Pham, Sankaran, "Market Day in Giát District," 105.

[6] Pham, Sankaran, "Market Day in Giát District," 108.

giàu sức gợi, chẳng hạn hình ảnh "He heard the sound of two dew drops that fell on the banana leaf boat next to his house"[1]. Chi tiết giọt sương rơi trên lá chuối tạo nên một khoảnh khắc tĩnh lặng đặc biệt của đêm nông thôn. Tuy nhiên, theo quan điểm của Becker, mỗi cộng đồng ngôn ngữ tiếp nhận những hình ảnh như vậy thông qua những "prior texts" - tức là những kí ức văn hóa và văn bản đã tích lũy trước đó[2]. Vì vậy, cùng một hình ảnh có thể gợi ra những liên tưởng khác nhau đối với độc giả thuộc các nền văn hóa khác nhau. Hơn nữa, một yếu tố khác liên quan đến cảm thức văn học là cách thời gian được nhận biết trong cảnh đêm. Trong bản dịch có câu "He calculated that it was probably pre-dawn, around two or three AM"[3]. Việc xác định thời gian bằng đơn vị giờ đồng hồ tạo ra một điểm mốc rõ ràng cho bối cảnh của câu chuyện. Tuy nhiên, trong nhiều văn bản văn học Việt Nam viết về không gian nông thôn, thời gian thường được cảm nhận thông qua các dấu hiệu của môi trường - ánh sáng, âm thanh hoặc nhịp sinh hoạt của con người và thiên nhiên. Khi chuyển sang tiếng Anh, việc xác định thời gian bằng cách diễn đạt cụ thể như vậy phản ánh một cách tổ chức kinh nghiệm quen thuộc của ngôn ngữ đích, đồng thời cho thấy sự khác biệt trong cách hai ngôn ngữ xây dựng cảm nhận về thời gian.

Giấc mơ của nhân vật Khúng cũng là một điểm đáng chú ý khi đặt trong khung lí thuyết của Becker. Trong bản dịch, cảnh tượng được mô tả bằng những hình ảnh cụ thể như "He brought this down hard on the head of the ox… the bloody eye pop out"[4]. Những chi tiết này làm nổi bật tính trực quan của hành động trong giấc mơ. Trong khi đó, trong văn bản gốc của Nguyễn Minh Châu, giấc mơ thường mang một sắc thái tâm lí đặc biệt, vừa hiện thực vừa mang tính dự cảm. Theo Becker, sự khác biệt này có thể được hiểu như một sự chuyển đổi giữa hai hệ thống "languaging": mỗi ngôn ngữ lựa chọn những cách khác nhau để biểu đạt trải nghiệm cảm giác, vì vậy khi một giấc mơ được chuyển từ hệ thống biểu đạt này sang hệ thống khác, cấu trúc hình ảnh và nhịp điệu của nó cũng được tái cấu trúc[5]. Nói cách khác, những gì xuất hiện trong bản dịch không chỉ là sự chuyển tải nội dung mà còn là sự tái tổ chức trải nghiệm văn học trong một hệ thống biểu đạt khác.

Từ góc nhìn rộng hơn của nghiên cứu dịch thuật, hiện tượng này thường được đặt trong mối liên hệ với những giới hạn vốn có của quá trình chuyển dịch văn bản. Trong bài luận nổi tiếng "Translation, the Art of Failure" ("Dịch thuật: Nghệ thuật của sự thất bại"), John Ciardi cho rằng dịch thuật luôn mang tính chất của một "nghệ thuật thất bại", bởi không có bản dịch nào có thể tái tạo hoàn toàn văn bản gốc; tuy nhiên chính sự "thất bại" này lại là điều kiện cần thiết để các nền văn học có thể tiếp xúc với nhau và bước vào quá trình đối thoại xuyên văn hóa. Thất bại trong dịch thuật xuất phát từ thực tiễn quá trình dịch tác phẩm *Thần Khúc* của nhà thơ thời kì Trung cổ Dante Alighieri, Ciardi nhận thấy một bản dịch thường nảy sinh ra do cảm nhận chủ quan của dịch giả, cái mà ông gọi là "cơn ngứa ngáy và giậm giựt"[6]. Như nhiều học giả đã nhấn mạnh, dịch thuật vì vậy không phải là sự sao chép tuyệt đối mà là một

[1] Như trên.
[2] Becker, "Introduction," 15.
[3] Pham, Sankaran, "Market Day in Giát District," 108.
[4] Như trên,105.
[5] Becker, "Introduction," 9-10.
[6] John Ciardi, "Translation, the Art of Failure," *Saturday Review*, October 7, 1961, 17–19.

quá trình kiến giải và tái tạo văn bản trong bối cảnh văn hóa mới.

Trong bối cảnh đó, vai trò của dịch giả trở nên đặc biệt quan trọng. Dịch giả không chỉ là người chuyển đổi ngôn ngữ mà còn là người trung gian văn hóa, người phải liên tục đưa ra những lựa chọn giữa sự trung thành với văn bản gốc và khả năng tiếp nhận của độc giả trong ngôn ngữ đích. Những lựa chọn này thường đồng nghĩa với việc chấp nhận một mức độ "im lặng" nhất định - tức là những yếu tố của văn bản gốc không thể được chuyển tải trọn vẹn trong hệ thống ngôn ngữ khác. Theo Alton L. Becker, sự im lặng này không phải là sự thiếu vắng hoàn toàn của ý nghĩa, mà là hệ quả của sự không tương thích giữa các cấu trúc ngôn ngữ và văn hóa. Giữa hai ngôn ngữ luôn tồn tại những khoảng trống về "tương thích" và "đối trọng", và chính những khoảng trống đó khiến cho dịch thuật trở thành một hoạt động vừa sáng tạo vừa kiến giải, nơi văn bản được đọc lại và tái cấu trúc trong những cộng đồng ngôn ngữ khác nhau.

Từ góc nhìn của lí thuyết tiếp nhận, Stanley Fish (1976) cho rằng ý nghĩa của văn bản không tồn tại như một thực thể cố định mà luôn được tái tạo trong quá trình đọc, gắn với những khuôn khổ văn hóa và tri thức chung của cộng đồng tiếp nhận[1]. Trong trường hợp văn học dịch, quá trình này càng trở nên phức tạp hơn, bởi khi một cộng đồng tiếp nhận văn học từ một nền văn hóa khác thông qua bản dịch, việc đọc thường diễn ra dưới lăng kính của hệ thống ngôn ngữ và những lựa chọn diễn giải đã được hình thành trong quá trình dịch thuật. Nói cách khác, bản dịch không chỉ chuyển tải văn bản sang một ngôn ngữ khác mà còn góp phần định hình cách cộng đồng tiếp nhận hiểu và diễn giải văn bản đó. Ở bình diện rộng hơn của sự lưu thông văn học, Snyder (2016) cho rằng cần chú ý tới những dòng chảy (*flow*) và những điểm tắc nghẽn (*congestion*) trong dịch thuật, nơi các yếu tố thẩm mĩ, kinh tế và thị trường cùng tham gia quyết định tác phẩm nào được dịch, được dịch như thế nào, và được quảng bá cũng như tiêu thụ ra sao trong một bối cảnh văn chương khác[2]. Theo nghĩa này, dịch thuật vừa là phương tiện giúp văn học di chuyển qua các biên giới ngôn ngữ và văn hóa, vừa có thể trở thành một dạng trung gian định hình quá trình tiếp nhận. Từ văn bản trong ngôn ngữ gốc đến văn bản dịch và sau đó là quá trình đọc của độc giả ở nền văn hóa đích, chuỗi chuyển dịch này có thể được hình dung như một hiệu ứng domino: mỗi quyết định trong quá trình dịch thuật đều có khả năng ảnh hưởng đến cách mà cộng đồng tiếp nhận hình dung về nền văn hóa nguồn. Do đó, khi mục tiêu "xuất khẩu" văn học của nền văn hóa nguồn không hoàn toàn trùng khớp với thực tiễn tiếp nhận của độc giả ở nền văn hóa đích, những hiện tượng tắc nghẽn trong quá trình lưu thông văn học gần như là điều khó tránh khỏi.

Trong bối cảnh ấy, Hutchinson đặt ra nghi vấn "điều gì bị mất trong dịch thuật?"[3]. Nếu như dịch thuật là một tiến trình lịch sử, thì sự phát triển của nó có thể được nhìn nhận qua ba kỉ nguyên, hay ba cấp độ khác nhau, với nhấn mạnh của Goethe (1819) về xu hướng thuần hóa (*domestication*), trong đó văn bản được chuyển dịch theo cách để có thể được dung nạp hoàn

[1] Stanley Fish, *Is There a Text in This Class? The Authority of Interpretive Communities* (Harvard University Press, 1980), 147-148, 173.

[2] Snyder, "Insistence and Resistance," 133.

[3] Ben Hutchinson, *Nhập môn Văn học So sánh*, Phạm Phương Chi, Nguyễn Thị Diệu Linh, Tạ Thành Tấn dịch (NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022), 159.

toàn vào nền văn hóa đích[1]. Từ góc độ thực hành, dịch thuật thường chịu ảnh hưởng bởi kì vọng của độc giả về một văn bản trong ngôn ngữ quen thuộc như tiếng mẹ đẻ của họ hay một văn bản vẫn giữ lại dấu vết của ngôn ngữ xa lạ cùng hệ thống chú thích đi kèm. Vì vậy, dịch văn học luôn là một quá trình lựa chọn khó khăn, trong đó dịch giả nhiều khi phải đánh đổi giữa ý nghĩa, hình thức và phong cách để tạo ra một bản dịch có khả năng tiếp nhận trong nền văn hóa khác. Thực tiễn dịch thuật văn học Việt Nam cũng cho thấy rõ những căng thẳng này. Theo quan sát của cố giáo sư Joseph Duemer - một dịch giả nước ngoài dành nhiều tâm huyết cho việc chuyển ngữ văn học Việt Nam - vấn đề đáng quan ngại của văn học dịch đôi khi không phải là độ chính xác tuyệt đối của bản dịch mà là khả năng đọc, hiểu được (*readability*) của văn bản đối với độc giả nước ngoài. Khi xem xét trường hợp tuyển tập *Three Vietnamese Poets (Ba thi hào của Việt Nam)*, Duemer (2012) tán thưởng nỗ lực của dịch giả Linh Dinh trong việc tái tạo cấu trúc tiếng Việt trong tiếng Anh đến mức phá vỡ các quy tắc ngữ pháp thông thường (*ungrammatical*), mặc dù ông cũng thừa nhận sự gượng gạo (*awkwardness*) của cách lựa chọn này[2].

3. Chấp nhận sự "im lặng" và hướng tiếp về sự đối thoại

Từ những quan sát đó, có thể thấy rằng dịch thuật, dù được hình dung như một dòng chảy hay một điểm tắc nghẽn, vẫn giữ vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự lưu thông của văn học. Tuy nhiên, trong thực tế, văn học Việt Nam được dịch sang tiếng Anh với số lượng khá hạn chế, và công tác quảng bá văn học Việt Nam cho độc giả quốc tế vẫn còn khiêm tốn. Chính vì vậy, việc xây dựng những cơ chế hỗ trợ mang tính hệ thống cho dịch thuật và phổ biến văn học Việt Nam trở nên cần thiết. Một hướng đi khả thi là hình thành một dạng "liên minh" hỗ trợ dịch thuật và tiếp nhận văn học Việt Nam ở ngoài nước, trong đó Nhà nước giữ vai trò chủ đạo thông qua các chính sách văn hóa và các chương trình hỗ trợ học thuật.

Việc ban hành các văn bản như Nghị quyết 80 và Nghị định 350 đã khẳng định nhiệm vụ quảng bá văn học Việt Nam như một phần của nguồn sức mạnh nội sinh của dân tộc trong thời đại mới. Trong bối cảnh đó, dịch thuật - với những giới hạn và cả những "khoảng im lặng" của nó - đòi hỏi sự kết hợp tri thức giữa tác giả, dịch giả Việt Nam và các dịch giả bản địa trong các cộng đồng ngôn ngữ khác. Thông qua sự hỗ trợ của Nhà nước trong việc kết nối học thuật, tổ chức giao lưu và cung cấp nguồn tài chính cho việc viết, dịch và nghiên cứu, có thể kì vọng rằng văn học Việt Nam sẽ từng bước vượt qua những điểm tắc nghẽn trong quá trình lưu thông quốc tế và tiến tới một giai đoạn mới, nơi nền văn học này được nhìn nhận rộng rãi như một nền văn học giàu tính nhân văn, hiện đại và đậm đà bản sắc dân tộc.

Tài liệu tham khảo

Ban Chấp hành Trung ương. *Nghị quyết số 80-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam*. Ban hành ngày 07 tháng 01 năm 2026.

Becker, Aalton L. "Introduction," in *Beyond Translation: Essays toward a Modern Philology*, 1-20. University of Michigan Press, 1995.

[1] Johann Wolfgang von Goethe, *West–Eastern Divan*, trans. Edward Dowden (J. M. Dent & Sons, Ltd., 1914).

[2] Joseph Duemer, "Translating Vietnam: Practicing the Post-War Art of Literary Translation," *VNU Journal of Social Sciences and Humanities* 28, no. 5E (2012): 26.

Black, Shameem. "Is There a Global Literature?" *Yale Insights*, April 28, 2009. https://insights.som.yale.edu/insights/is-there-global-literature.

Ciardi, John, "Translation, the Art of Failure," *Saturday Review*, October 7, 1961, 17–19.

Damrosch, David. *What Is World Literature?* Princeton University Press, 2003.

Duemer, Joseph. "Translating Vietnam: Practicing the Post-War Art of Literary Translation," *VNU Journal of Social Sciences and Humanities* 28, no. 5E (2012): 20–34.

Eckermann, Johann Peter. *Conversations with Goethe*. Trans. John Oxenford. George Bell & Sons, 1883.

Fish, Stanley. *Is There a Text in This Class? The Authority of Interpretive Communities*. Harvard University Press, 1980.

Goethe, Johann Wolfgang von. *West–Eastern Divan*. Trans. Edward Dowden. J. M. Dent & Sons, Ltd., 1914.

Hutchinson, Ben. *Nhập môn Văn học So sánh*. Phạm Phương Chi, Nguyễn Thị Diệu Linh, Tạ Thành Tấn dịch. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022.

Kim, Annette M. *Learning to Be Capitalists: Entrepreneurs in Vietnam's Transition Economy*. Oxford University Press, 2008.

Lee, Jihae. "Int'l Sales of Korean Novels in 2024 Surge 130% to 1.2M Copies," *Korea.net*, August 07 2025, http://www.korea.net/NewsFocus/Culture/view?articleId=276668, truy cập ngày 10.02.2026.

Nguyễn Minh Châu. "Phiên chợ Giát", *Việt Nam Thư Quán*, ngày 27.12.2003. http://vietnamthuquan.eu/truyen/truyen.aspx?tid=2qtqv3m3237n4n3nvn31n343tq83a3q3m3237nvn#phandau.

Pham, Chi P., Chitra Sankaran, "Hoya", In *Revenge of Gaia: Contemporary Vietnamese Ecofiction*. Penguin Random House SEA, 2021.

Pham, Chi P., Chitra Sankaran, "Market Day in Giát District", In *Humans And Other Animals: Animal Fiction From Vietnam*. Penguin Random House SEA, 2024.

Schwenkel, Christina. *Building Socialism: The Afterlife of East German Architecture in Urban Vietnam*. Duke University Press, 2020.

Shields, Katherine. "Challenges and Possibilities for World Literature, Global Literature, and Translation," *CLCWeb: Comparative Literature and Culture* 15, no. 7 (2013): 1-9.

Snyder, Stephen. "Insistence and Resistance: Murakami and Mizumura in Translation," *New England Review* 37, no. 4 (2016): 133–142, https://www.jstor.org/stable/44841503.

Văn phòng Chính phủ. *Nghị định số 350/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định về khuyến khích phát triển văn học*. Ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2025.

Vũ Hoài Đức, "Khu tập thể cũ – di sản của kí ức," *Nhịp sống Hà Nội*, Báo *Hà Nội Mới*, ngày 19 tháng 09 năm 2024, https://nhipsonghanoi.hanoimoi.vn/khu-tap-the-cu-di-san-cua-ky-uc-678632.html, truy cập ngày 10 tháng 03 năm 2026.

Y Ban, *Cẩm cù*, Bản thảo do nhà nghiên cứu, nhà văn Hoàng Tố Mai cung cấp qua email ngày 20 tháng 3 năm 2018.